



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Kinh doanh và Phát triển Bình Dương

Ngày 30/09/2025	12,750 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-3.8%	16.4%	4.9%

DT thuần Q3/25
684
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 179 35.4%
YoY: ▲ 512 298%

LN thuần Q3/25
88.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 42.9 93.5%
YoY: ▲ 38.1 75.2%

LN sau thuế Q3/25
89.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 43.2 93.0%
YoY: ▲ 35.7 66.2%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
16.9%
YoY: +/- ▼ 5.0%

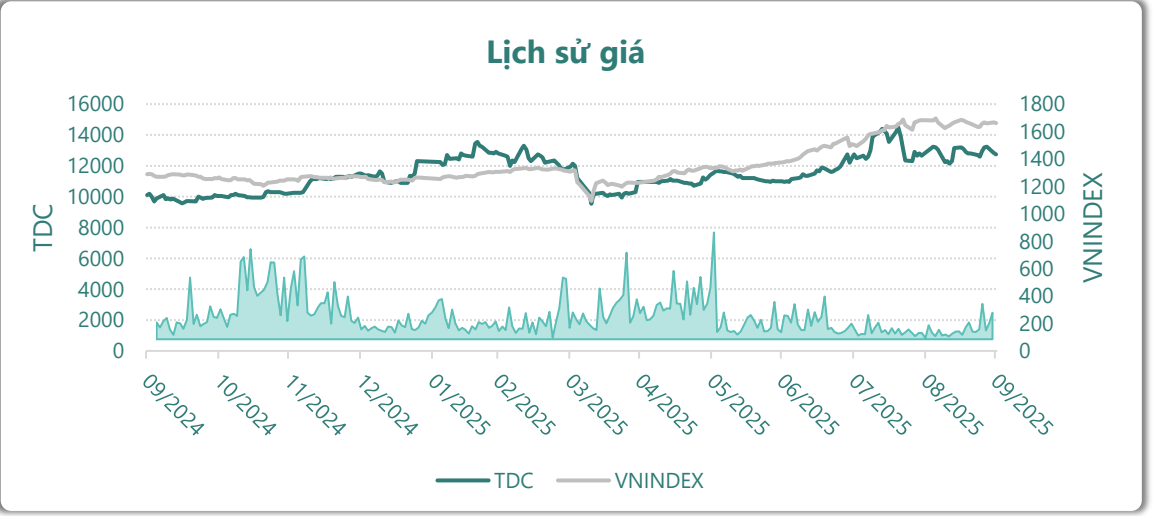
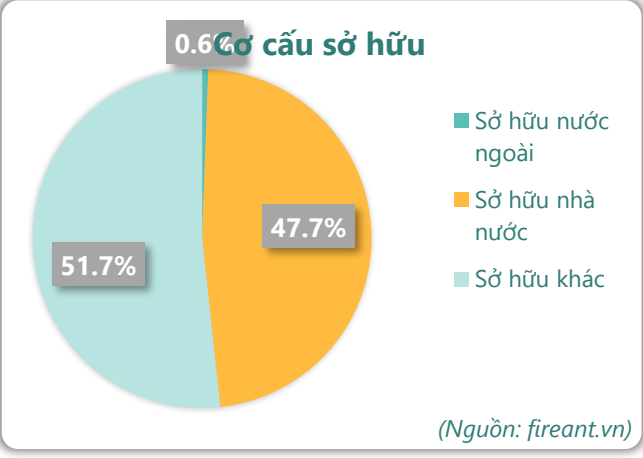
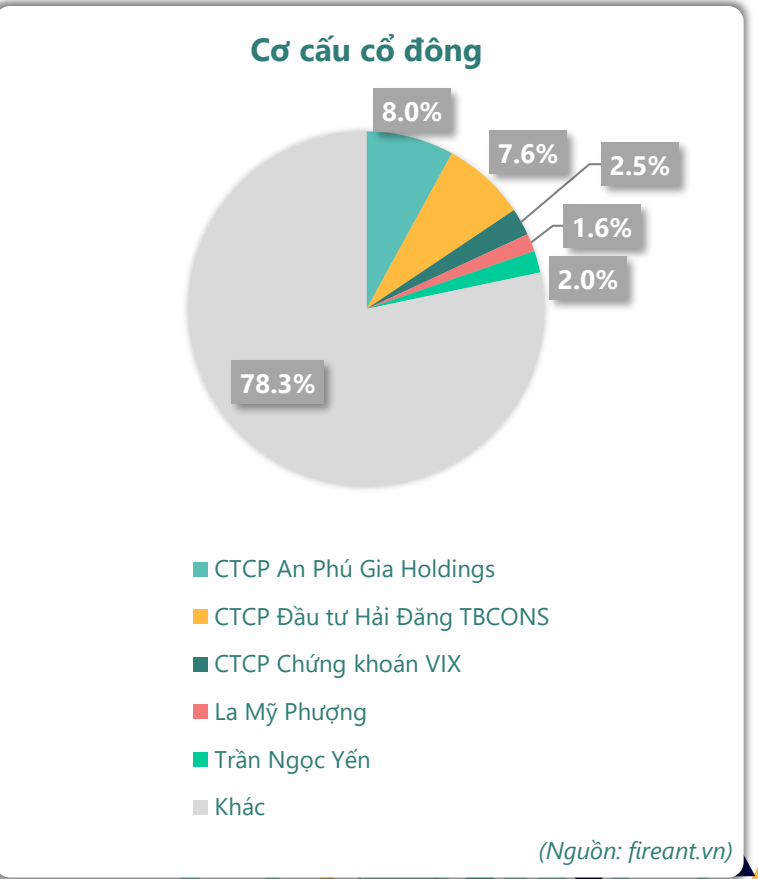
ROE (TTM) Q3/25
37.7%
YoY: +/- ▲ 0.7%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	9,540 - 14,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,622
Số lượng CPLH (CP)	127,228,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	838,865
Sở hữu nước ngoài	0.6%
Beta	0.95
EPS	3,687
P/E	3.5

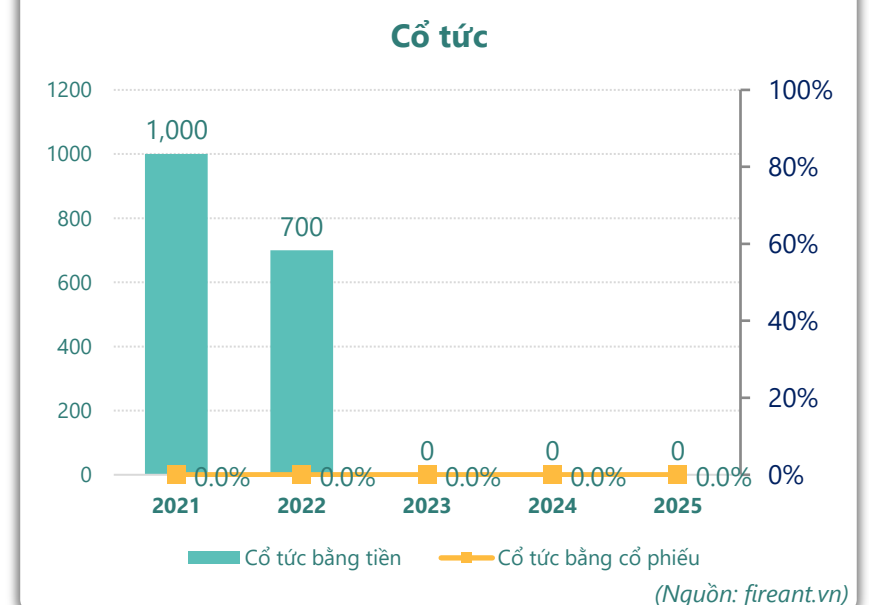
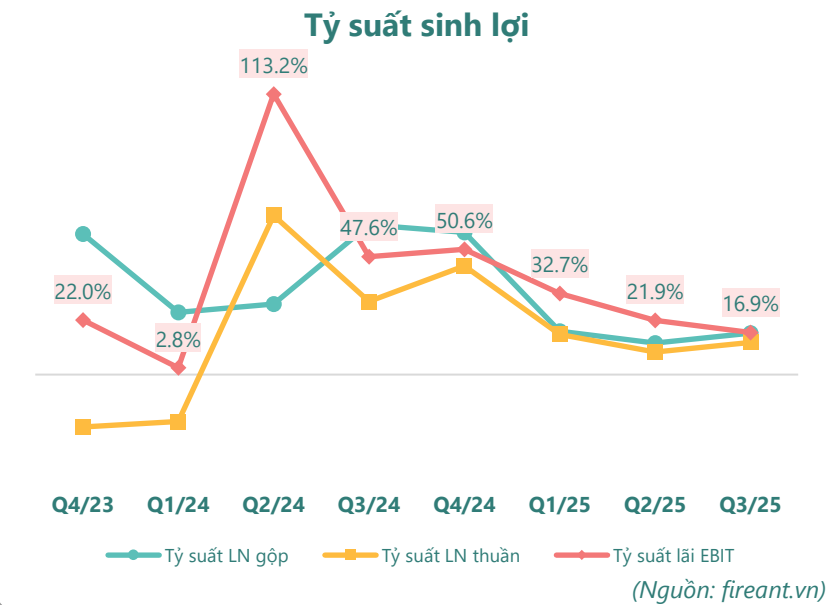
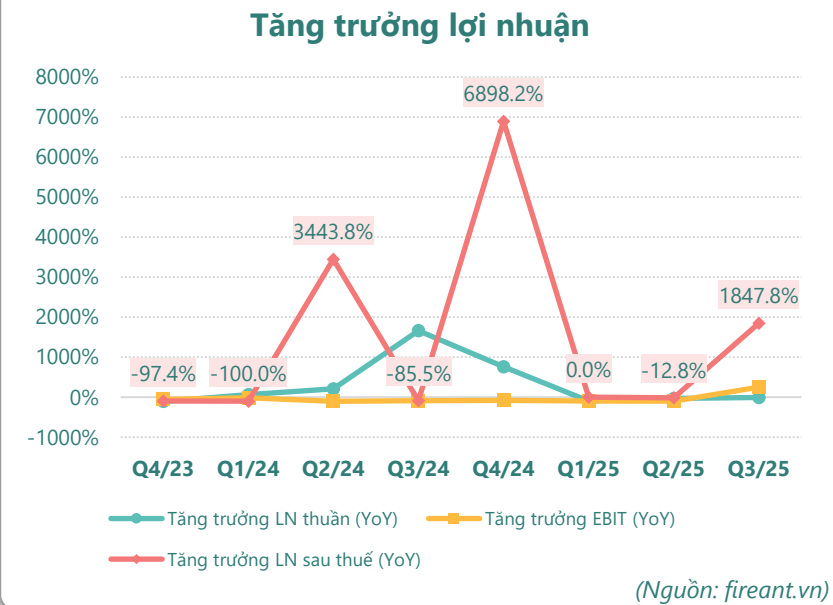
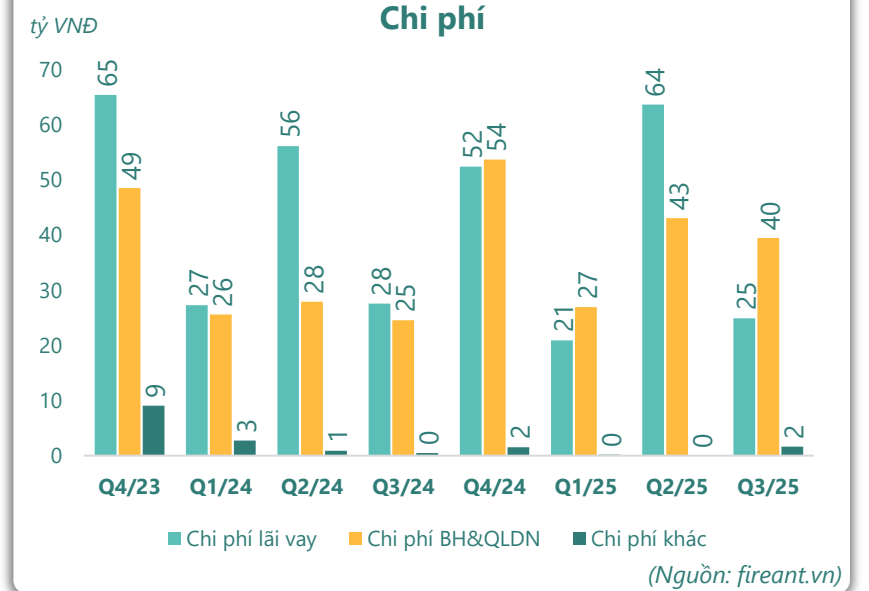
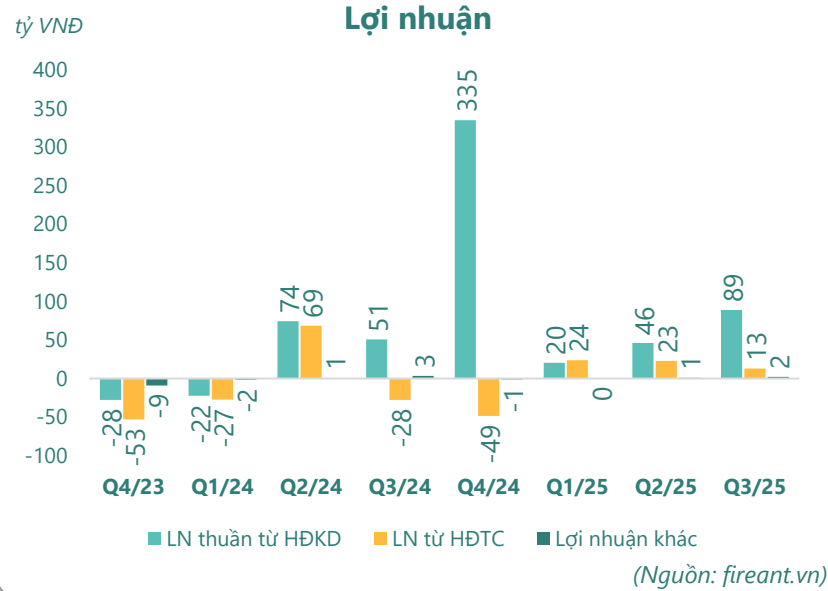
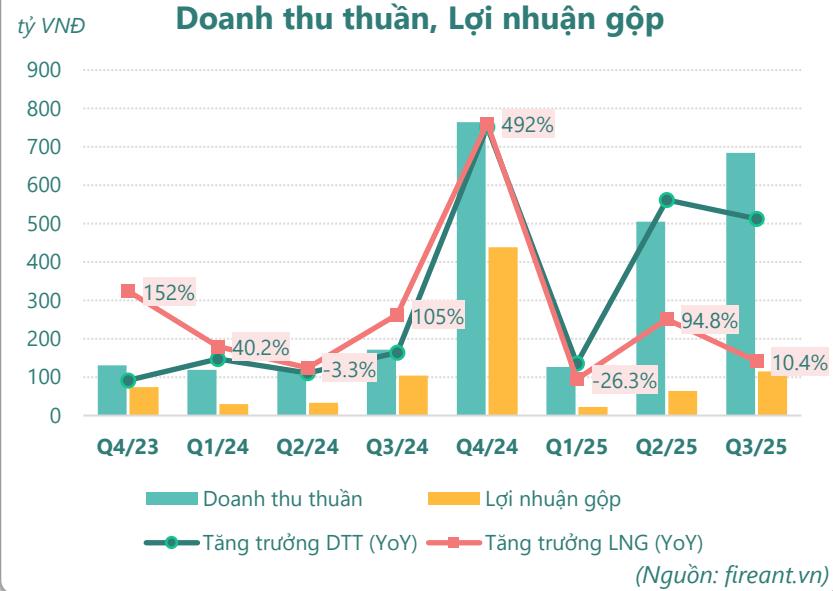
DT thuần 9T 2025
1,315
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 908 223%

LN thuần 9T 2025
155
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 53.0 51.5%

LN sau thuế 9T 2025
156
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 52.0 49.7%



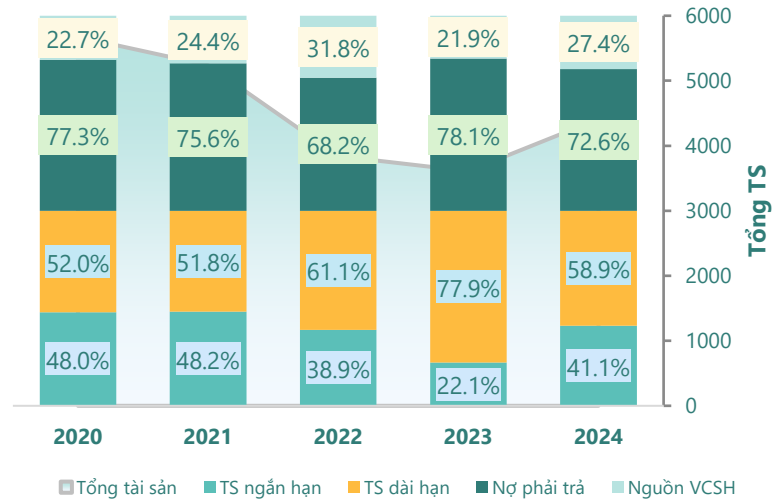
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

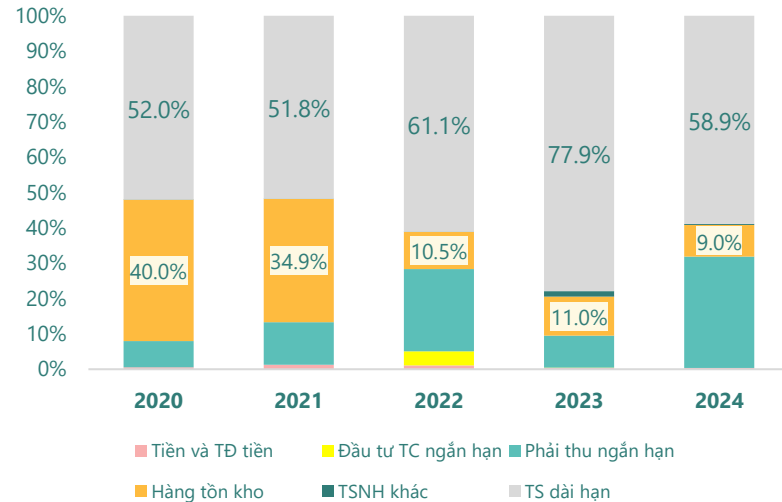
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

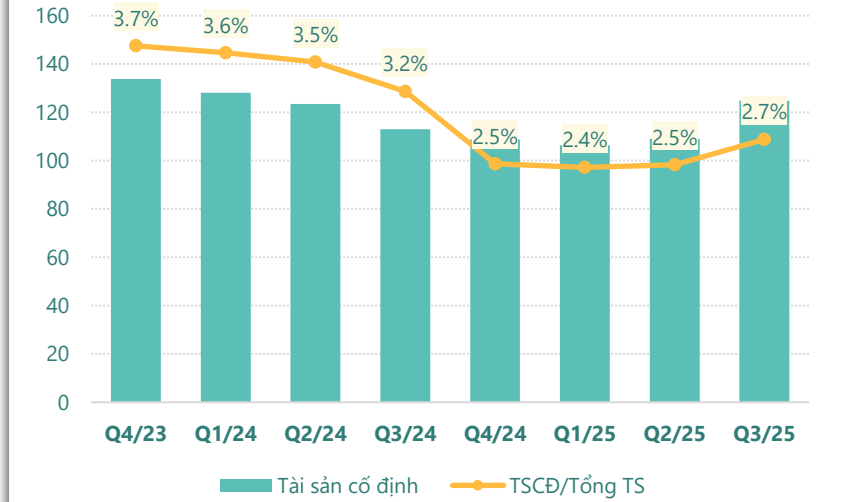
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

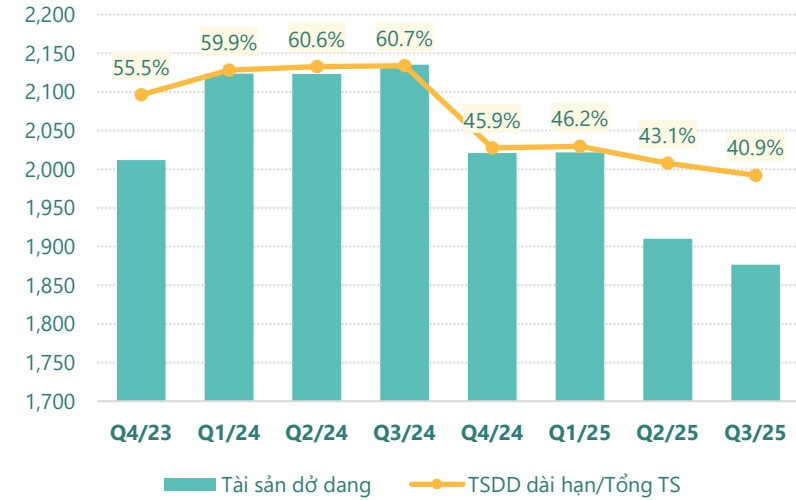
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

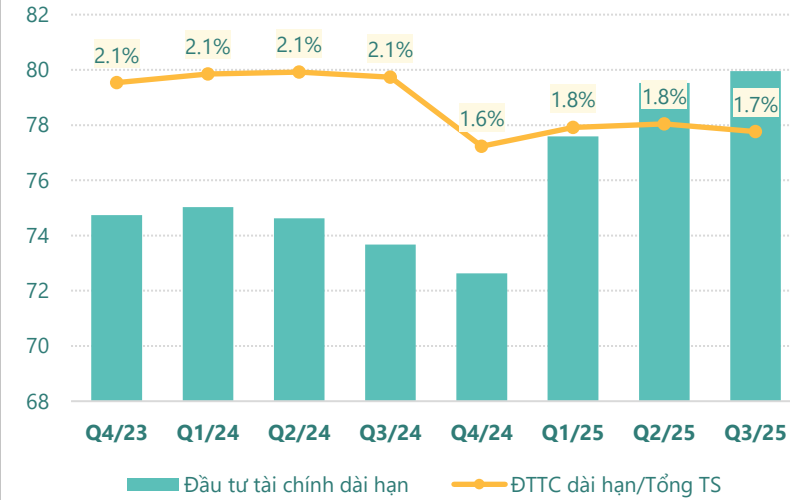
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

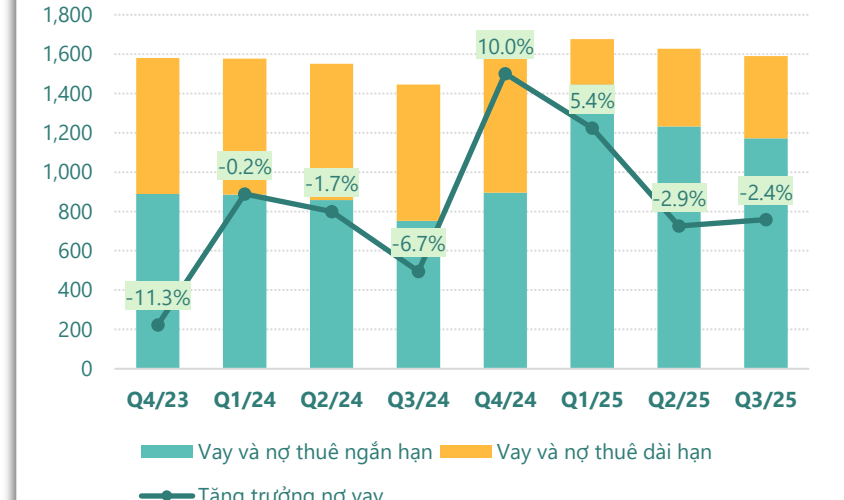
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

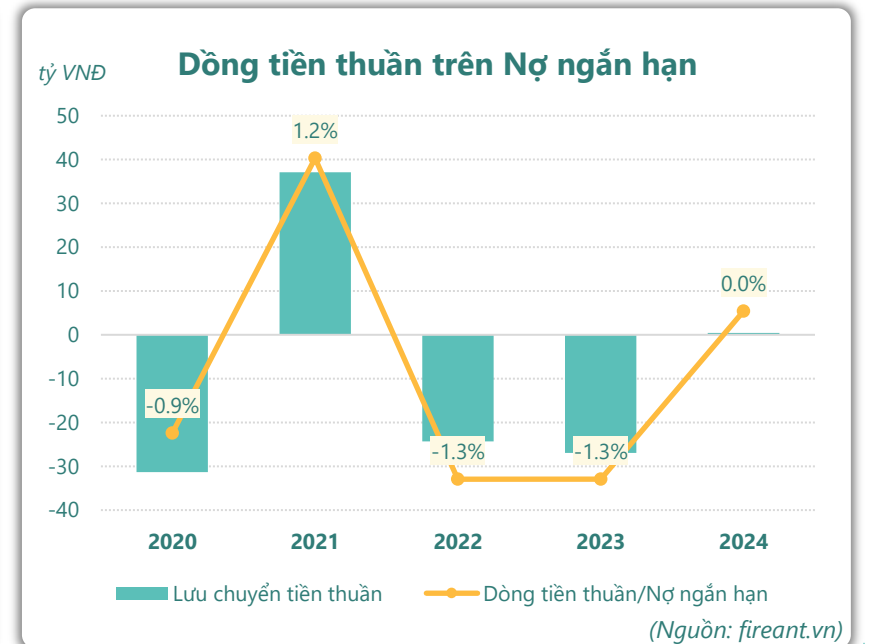
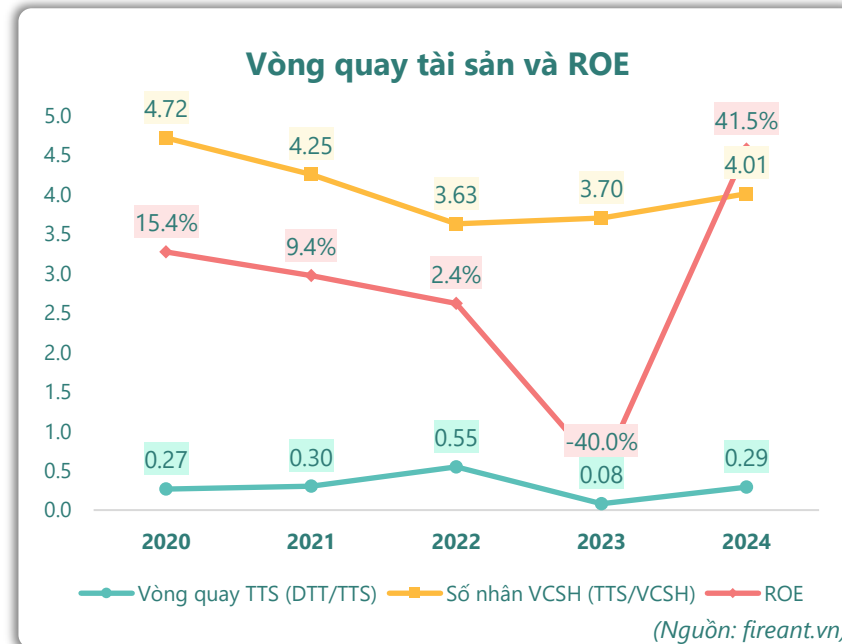
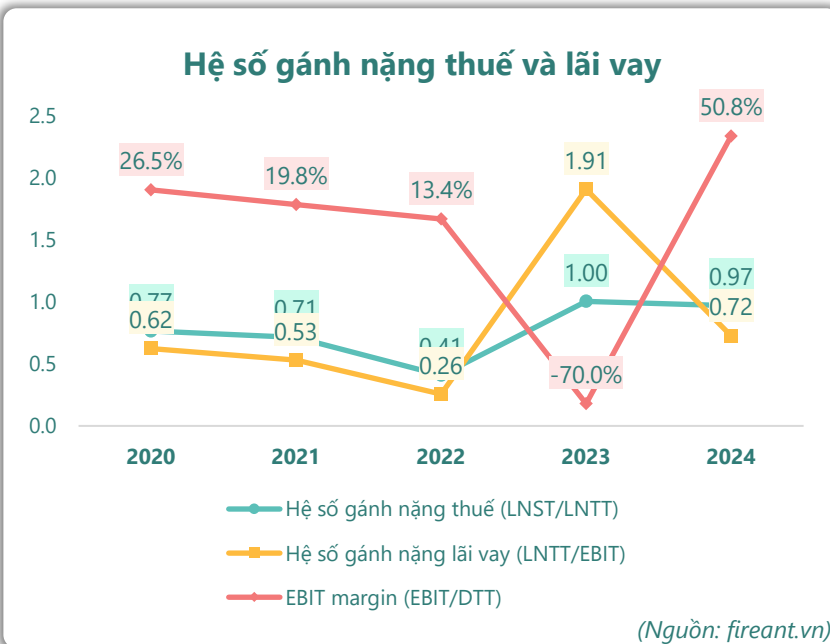
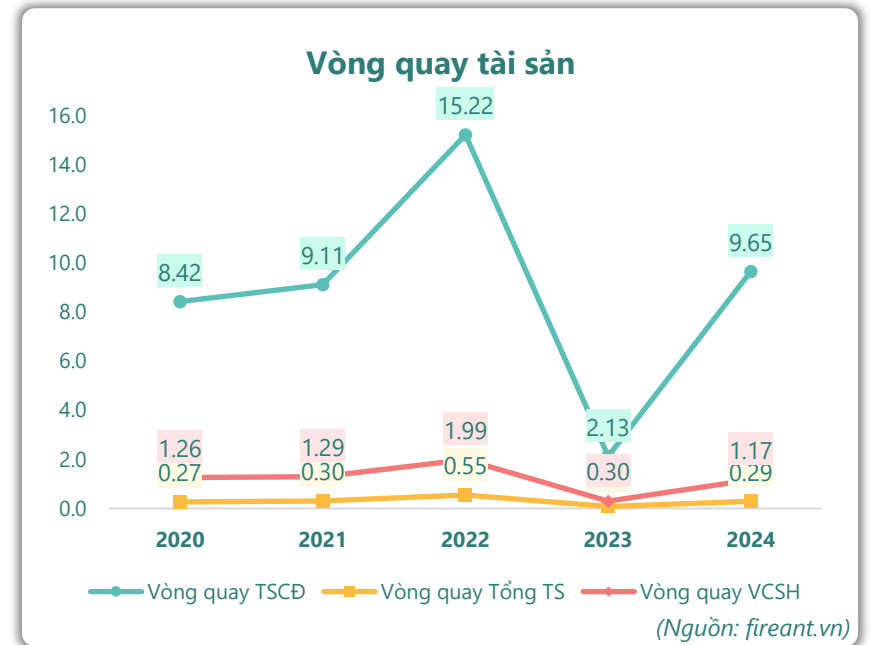
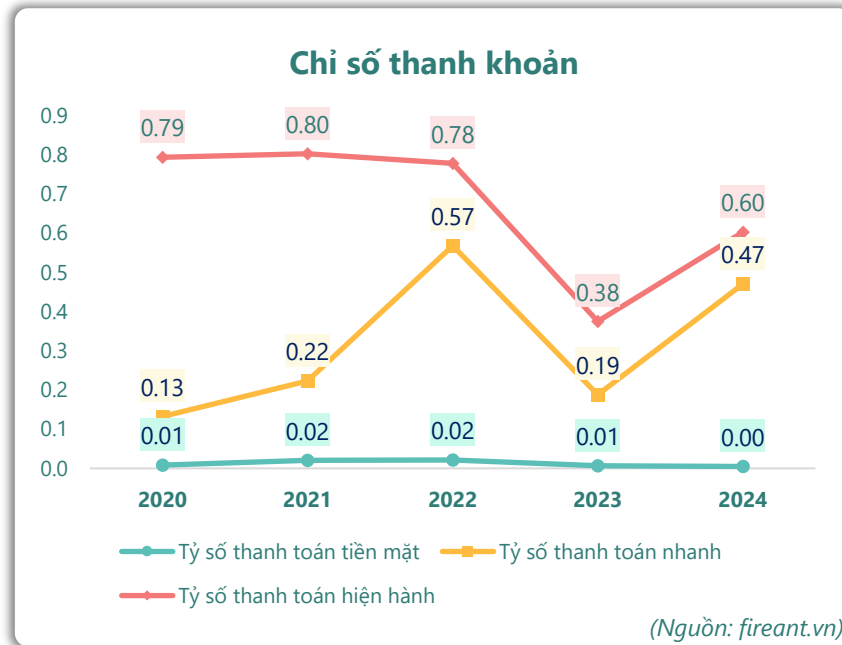
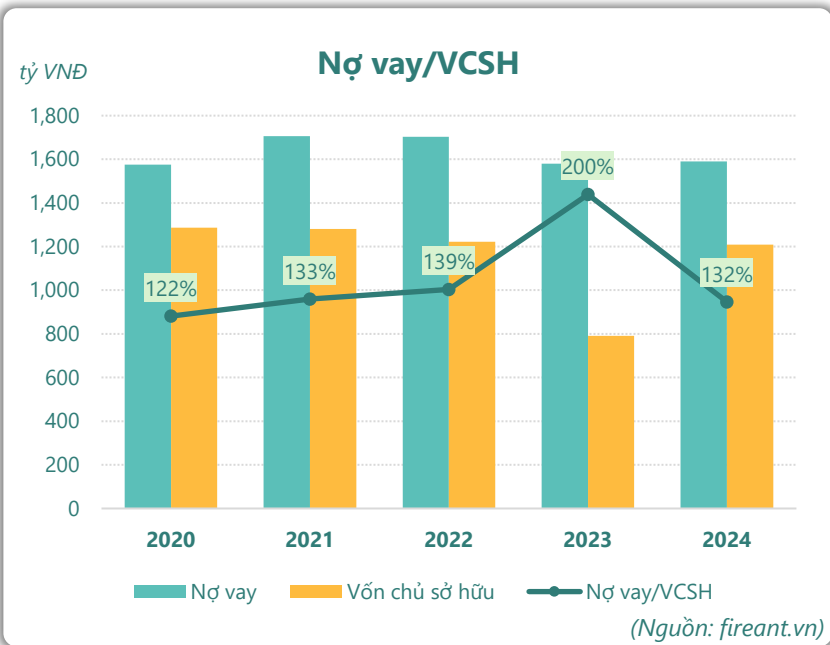
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	684	172	298%	1,315	407	223%
Giá vốn hàng bán	569	68.0	737%	1,114	240	365%
Lợi nhuận gộp	115	104	10.1%	201	167	20.5%
Doanh thu HĐTC	37.9	0.01	378797%	169	125	35.5%
Chi phí TC	25.0	27.6	-9.6%	110	111	-1.4%
Chi phí lãi vay	25.0	27.6	-9.6%	110	111	-1.4%
LN trong công ty LKLD	0	-0.95	100%	3.43	0.05	6824%
Chi phí bán hàng	18.7	10.9	71.8%	52.5	37.8	38.7%
Chi phí QLDN	20.8	13.7	51.8%	57.1	40.3	41.8%
LN thuần từ HĐKD	88.8	50.7	75.2%	155	102	51.5%
Lợi nhuận khác	1.99	3.44	-42.2%	2.87	2.37	21.1%
LN trước thuế	90.8	54.1	67.9%	158	105	50.8%
Lợi nhuận sau thuế	89.7	54.0	66.2%	156	104	49.7%
LNST của CĐ cty mẹ	88.8	53.4	66.3%	154	103	48.8%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	22.6	88.0	-140	144	-714	18.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	2.67	9.80	-1.37	-184	414	47.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-28.1	-106	143	84.2	271	-39.9
Tiền đầu kỳ	24.2	21.4	12.8	14.5	59.5	30.5
Lưu chuyển tiền thuần	-2.82	-8.58	1.70	45.0	-29.0	25.5
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	21.4	12.8	14.5	59.5	30.5	56.0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	4,587	4,411	4.0%
Tài sản ngắn hạn	2,360	1,813	30.2%
Tiền và tương đương tiền	56.0	14.5	286%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	1,948	1,390	40.1%
Hàng tồn kho	351	398	-11.9%
Tài sản ngắn hạn khác	5.85	10.3	-43.2%
Tài sản dài hạn	2,226	2,598	-14.3%
Phải thu dài hạn	88.5	368	-76.0%
Tài sản cố định	125	109	14.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1,876	2,021	-7.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	80.0	76.2	4.9%
Tài sản dài hạn khác	56.7	24.4	133%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,991	3,202	-6.6%
Nợ ngắn hạn	2,553	3,006	-15.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,173	1,438	-18.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	766	635	20.6%
Nợ dài hạn	438	196	124%
Vay và nợ thuê dài hạn	417	153	173%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,596	1,209	31.9%
Vốn chủ sở hữu	1,596	1,209	31.9%
Vốn điều lệ	1,272	1,000	27.2%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

